Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6302.32.90

Mã HS	6302.32.90
Mô tả hàng hóa	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp / - Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác: / - - Từ sợi nhân tạo: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 13:24:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/63023290/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K9818
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N9818
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q9818
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8.4	8,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9349
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9300
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9300
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9300
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9300
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9300
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9300
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E9352
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9352

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9352
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9352
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9352
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9352
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9353
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9353
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9353
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9353
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9353
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9353
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9354
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9306
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9312
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9312
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9312
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9312
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9312
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9312
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9337
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9337
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9337
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9337
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9337
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9337
VCFTA	2022	2022	2	VC!D9383
VCFTA	2023	2023	1	VC!E9383

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9383
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9383
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9383
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9383
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9362
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9362
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9362
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9362
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9362
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9362
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D9375
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E9375
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F9375
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G9375
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H9375
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9375
EVFTA	2022	2022	6	EV-NK!D9385
EVFTA	2023	2023	4	EV-NK!E9385
EVFTA	2024	2024	2	EV-NK!F9385
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9385
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9385
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9385
UKVFTA	2022	2022	6	UKV!D9384
UKVFTA	2023	2023	4	UKV!E9384
UKVFTA	2024	2024	2	UKV!F9384
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9384

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9384
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9384
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9331
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9331
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9331
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9331
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9331
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9331
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9331
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9369
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9369
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9369
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9369
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9369
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9369
RCEP B	2022	2022	0	B!D9369
RCEP B	2023	2023	0	B!E9369
RCEP B	2024	2024	0	B!F9369
RCEP B	2025	2025	0	B!G9369
RCEP B	2026	2026	0	B!H9369
RCEP B	2027	2027	0	B!I9369
RCEP C	2022	2022	0	C!D9369
RCEP C	2023	2023	0	C!E9369
RCEP C	2024	2024	0	C!F9369
RCEP C	2025	2025	0	C!G9369
RCEP C	2026	2026	0	C!H9369

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9369
RCEP D	2022	2022	0	D!D9368
RCEP D	2023	2023	0	D!E9368
RCEP D	2024	2024	0	D!F9368
RCEP D	2025	2025	0	D!G9368
RCEP D	2026	2026	0	D!H9368
RCEP D	2027	2027	0	D!I9368
RCEP E	2022	2022	0	E!D9372
RCEP E	2023	2023	0	E!E9372
RCEP E	2024	2024	0	E!F9372
RCEP E	2025	2025	0	E!G9372
RCEP E	2026	2026	0	E!H9372
RCEP E	2027	2027	0	E!I9372
RCEP F	2022	2022	0	F!D9369
RCEP F	2023	2023	0	F!E9369
RCEP F	2024	2024	0	F!F9369
RCEP F	2025	2025	0	F!G9369
RCEP F	2026	2026	0	F!H9369
RCEP F	2027	2027	0	F!I9369
VIFTA	2024	2024	10.8	VI!F8670
VIFTA	2025	2025	9.6	VI!G8670
VIFTA	2026	2026	8.4	VI!H8670
VIFTA	2027	2027	7.2	VI!I8670

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6302.32 có 2 dòng thuế; dòng 6302.32.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6302.32.10 Vải không dệt	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6302.32.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 6302.32.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N9818), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng

Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.